

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST

Ngày: 30/12/2020

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Dương Đức Bản

2. Bà: Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2013/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2013 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2010/QĐST- KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-KDTM ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt là VP); Địa chỉ: 89 Láng, phường L H, quận Đ, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc Trung tâm pháp luật nhân hàng, SME và các nhân, VP hội sở. Người đại diện theo ủy quyền hiện tại: Ông Trần Tiến L – Cán bộ xử lý nợ. (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 04/2017/UQ-HĐQT ngày 18/01/2017 từ Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Văn bản ủy quyền số 4341/2018/UQ-VPB ngày 17/12/2018 từ Phó giám đốc Trung tâm pháp luật nhân hàng, SME và các nhân, VP hội sở). Địa chỉ người đại diện theo ủy quyền: 108 T, TP Đ H, Quảng Bình. Ông L có mặt;

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Xuất nhập khẩu – Thương mại D (viết tắt là Công ty D). Địa chỉ: Thôn 8, P, xã L N, TP Đ H, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T, sinh năm: 1977 – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm: 1978 và ông Bùi Minh T, sinh năm 1977. HKTT: Thôn 8, P, LN, TP. Đ H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

3.2. Ông Đinh Duy T và bà Phan Thị H; địa chỉ: Số 23, ngõ 35, đường Hữu, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3.3. Ông Đặng Quang L, sinh năm: 1958 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn Đức, xã Đ N, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - thương mại D đã ký vay tiền tại ngân hàng TMCP Việt Nam T hai Hợp đồng tín dụng: (1) Hợp đồng tín dụng số N010709 ngày 27/09/2010 vay với số tiền 600.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên ghi trong giấy nhận nợ, mục đích sử dụng vốn: Bổ sung thị công công trình, trả gốc: trả một lần khi món vay đến hạn, kỳ hạn trả nợ lãi đầu tiên là ngày 25/9/2010, trả lãi theo định kỳ 01 tháng/lần cho đến khi trả hết số tiền gốc vay ban đầu. Lãi suất cho vay: 16,5%/năm. Trong thời hạn cho vay, kể từ ngày vay, định kỳ 03 (ba) tháng một lần ngân hàng sẽ điều chỉnh lãi suất vay theo mức lãi suất như sau: Lãi suất cho vay điều chỉnh các kì sau = lãi suất tiết kiệm tiền Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của VP tại ngày điều chỉnh +5,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Phạt chậm trả lãi: Nếu khách hàng không trả lãi hàng tháng đúng hạn đã quy định thì sẽ phải trả cho VPbank khoản tiền phạt chậm trả lãi theo mức bằng 0,05%/ngày tính trên số tiền chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn. Thực hiện Hợp đồng nêu trên, ngày 27/09/2010 VP đã giải ngân số tiền 600.000 đồng cho Công ty TNHH XNK – Thương mại D; (2) Hợp đồng tín dụng số N011531 ngày 22/07/2011 vay với số tiền 640.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên ghi trong giấy nhận nợ, mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh, kỳ hạn trả nợ lãi đầu tiên là ngày 25/08/2011, trả gốc theo định kỳ 01 tháng/lần cho đến khi trả hết số tiền gốc vay ban đầu, lãi suất cho vay: lãi suất vay 22,5%/năm, cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn, phạt chậm trả lãi: nếu khách hàng không trả lãi hàng tháng đúng hạn đã quy định thì sẽ phải trả cho VP khoản tiền phạt chậm trả lãi theo mức bằng 0,05%/ngày tính trên số tiền chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn. Thực hiện hợp đồng nêu trên, ngày 22/07/2011 VP đã giải ngân số tiền 640.000.000 đồng cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu – Thương mại D.

Đề đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - Thương mại D, có các tài sản thế chấp: (1) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 95, phường BL, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Bình có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 824353 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/08/2007 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Anh Đ theo Hợp đồng thế chấp số 0271/09/HĐTCTS ngày 17/7/2009 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 24/3/2010. (2) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, xã ĐN, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Bình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 086940 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/12/2009 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Quang L và bà Phan Thị T theo Hợp đồng thế chấp số 0161/10/HĐTCTS ngày 22/4/2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 22/9/2011 và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Đại diện VP đã nhiều lần tiếp xúc với đại diện Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - Thương mại D yêu cầu thanh toán các khoản nợ cho VP nhưng công ty không có tinh thần hợp tác, không có ý định trả nợ cho VP. Vì vậy, VP đã khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết, ngày 31/3/2020, VP đồng ý cho gia đình ông Đặng Quang L, bà Phan Thị T nộp vào số tiền 400.000.000đ để nhận lại tài sản thế chấp cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - Thương mại D vay vốn tại VP là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 086940 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/12/2009 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Quang L và bà Phan Thị T.

Tính đến ngày xét xử (30/12/2020), bị đơn đã quá hạn 3.387 ngày (xếp vào nợ nhóm 5 nợ có khả năng mất vốn theo phụ lục về xác định nợ xấu ban hành kèm theo Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng). Đề đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định của Pháp luật, VP kính đề nghị tại phiên tòa xin được rút yêu cầu đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi, xin rút yêu cầu nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 400.000.000đ tại Hợp đồng tín dụng số N011531 ngày 22/7/2011 và xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 086940 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/12/2009 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Quang L và bà Phan Thị T. Đề nghị: Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - Thương mại D phải thanh toán ngay cho VP toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền tính đến ngày 30/12/2020 là: 4.564.480.642 đồng (trong đó: nợ gốc 839.965.229 đồng; nợ lãi: 3.724.515.413 đồng). Đề nghị tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày công ty D thực tế thanh toán hết nợ cho VP. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thì yêu cầu tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn. Trường hợp tài sản bảo đảm

không đủ thanh toán thì kê biên phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty D để thanh toán nợ tại VP.

* Đối với bị đơn công ty D: Căn cứ vào Công văn số 96/KHĐT-ĐK ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp thì xác định được tình trạng Công ty D đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty D không đến làm thủ tục giải thể và Phòng đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể của Công ty D. Theo trả lời của Phòng đăng ký kinh doanh, Công ty D chưa giải thể, chưa bị xóa tên trong danh sách Doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình không cấp lại hay cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hiện tại Doanh nghiệp không hoạt động. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Ông Bùi Minh T – là người đại diện theo pháp luật của Công ty D đến tham gia tố tụng nhưng ông T vắng mặt. Do ông Bùi Minh T không có mặt tại địa phương, đã bỏ trốn từ năm 2011, Công an tỉnh Quảng Bình có lệnh truy nã đặc biệt số: 06/QĐ-PC 46 kể từ ngày 28/5/2012. Đến nay vẫn chưa có thông tin về kết quả truy nã. Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được cho bị đơn và tiến hành niêm yết theo quy định.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ đã có lời khai tại Bản tự khai với nội dung: Chồng bà tên là Bùi Minh T là giám đốc công ty TNHH, quá trình hoạt động của Công ty chồng bà có thể chấp 01 tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại TK15, phường BL, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình để vay vốn cho công ty kinh doanh. Nhưng việc kinh doanh của chồng bà, bà không nắm bắt được, mọi việc kinh doanh đều do chồng bà quyết định và chịu trách nhiệm, bà không liên quan. Hiện nay chồng bà làm gì bà không rõ địa chỉ cụ thể, mọi việc liên quan đến công ty D đề nghị xử lý theo quy định (về tài sản thế chấp mang tên hai vợ chồng, bà đồng ý xử lý để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn của công ty chồng bà, sau khi bàn giao tài sản, bà không liên quan gì đến công ty D nữa).

* Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ông Đặng Quang L và bà Phạm Thị T tại bản tự khai trình bày: Năm 2010 gia đình ông bà có ủy quyền cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - Thương mại D do ông Bùi Minh T – Chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc toàn quyền thay mặt ông bà ký các giấy tờ liên quan với các cơ quan có thẩm quyền trong việc thế chấp sử dụng đất và xử lý tài sản khi đến hạn thời hạn 5 năm. Với vốn kiến thức hiểu biết hạn hẹp, lòng tin người, không lường trước hậu quả. Lợi dụng vào đó và có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ trước. Ông Bùi Minh T đã lấy tài sản của vợ chồng ông bà đưa đi thế chấp, lấy tiền để phục vụ cho mục đích cá nhân và gia đình rồi bỏ trốn ngay sau đó. Gia đình ông bà đã nhiều lần gặp gia đình ông T để bàn bạc cách giải quyết nhưng không có kết quả. Nên nguyện vọng của gia đình tự tìm nguồn tiền để lấy lại tài sản. Ngày 27/5/2020, gia đình ông Đặng Quang L đã nộp đủ số tiền 400.000.000đ và được VP hoạch toán toàn bộ số tiền vào nợ gốc của hợp đồng tín dụng N011531 ngày

22/7/2011 và bàn giao tài sản thế chấp cho gia đình ông bà. Nay ông bà không có ý kiến gì thêm.

* Đối người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Duy T và bà Phan Thị H tại các biên bản làm việc cũng như bản tự khai, tại phiên tòa đã trình bày: Đối với thửa đất của vợ chồng Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Anh Đ đã thế chấp nhà đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 95, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới để vay tiền cho Công ty D. Nguyên đây là đất ông bà bán cho vợ chồng T, Đ. Nhưng trước đó đất liền kề, ông bà bán cho Ngô Thanh S trước và ông S đã xây dựng nhà kiên cố hai tầng xong, sau đó ông bà đo từ mép tường nhà phía sau của ông S kéo ra 5,3m theo như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bán đất tiếp theo cho ông Bùi Minh T năm 2007 về làm nhà sau. Hiện nay qua xác định của cơ quan chuyên môn thì ông bà không nhất trí với kết quả đo đạc ngày 02/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đất đai thành phố Đồng Hới nhưng không có yêu cầu đo lại đất. Đối với phần đất của nhà ông T nếu có xây dựng qua đất của gia đình ông bà thì đối với ông bà không có ý kiến gì mà cũng chấp nhận, không có tranh chấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 342, 348, 349, 350, 351, 471, 472, 473, 474, 715 đến 721 BLDS năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - Thương mại D phải trả số tiền gốc và lãi quá hạn còn lại của hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 30/12/2020 là: 4.564.480.642 đồng (trong đó: nợ gốc 839.965.229 đồng; nợ lãi: 3.724.515.413 đồng). Trường hợp công ty D không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm còn lại của ông T, bà Đ để thu hồi nợ; Buộc Công ty D tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ, trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền gốc 400.000.000đ và tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng ngày 22/7/2011, tiền lãi chậm trả do ngân hàng rút yêu cầu. Án phí Công ty D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, xác định đây là vụ án Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi bị đơn có địa chỉ trụ sở và cũng là nơi thực hiện hợp đồng giải quyết. Tòa án nhân

dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng các bên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có lập biên bản) mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo luật định. Ông Bùi Minh T, đại diện theo pháp luật của bị đơn trốn bị truy nã thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Ngày 18/12/2020 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 130/2020/QĐXXST- DS ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-DS ngày 18/12/2020 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 30/12/2020 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được từ năm 2010 đến năm 2011, ông Bùi Minh T đại diện cho Công ty TNHH XNK thương mại D đã ký với VP Quảng Bình 02 hợp đồng tín dụng: hợp đồng tín dụng số N010709 ngày 27/9/2010 (kèm theo khế ước nhận nợ số 01/N010709 ngày 27/9/2010) – LD1027000220; hợp đồng tín dụng số N011531 ngày 22/7/2011 (kèm theo khế ước nhận nợ số N011531 ngày 22/7/2011) – LD1120300193 để vay với tổng số tiền là: 1.240.000.000đ, mục đích vay để bổ sung vốn thi công công trình. Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH XNK Thương mại D có hai tài sản thế chấp (1) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 95, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 824353 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/08/2007 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Anh Đ theo Hợp đồng thế chấp số 0271/09/HĐTCTS ngày 17/7/2009 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 24/3/2010. (2) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 086940 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/12/2009 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Quang L và bà Phạm Thị T theo Hợp đồng thế chấp số 0161/10/HĐTCTS ngày 22/4/2010. Xét các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - thương mại D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do VP Quảng

Bình cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH XNK thương mại D đã thực hiện được một phần nội dung các hợp đồng tín dụng (phần lãi) nhưng đến tháng 9/2011 (ngày 27/9/2011 đối với khoản vay 600.000.000đ và ngày 23/9/2011 đối với khoản vay 640.000.000đ) đã để khoản vay quá hạn. Ngày 31/3/2020 VP Quảng Bình đã thu hồi được một phần nợ gốc thông qua việc bên thứ ba thế chấp tự nguyện nộp 400.000.000đ vào ngân hàng để xin rút tài sản thế chấp. Quá trình thu hồi số nợ còn lại, VP Quảng Bình đã dùng nhiều biện pháp nhưng không có kết quả. Sau đó phía VP cũng đã dùng nhiều biện pháp để tiếp cận cũng như tìm hiểu thông tin của bị đơn nhưng không có thông tin. Như vậy, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - thương mại D đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày xét xử 30/12/2020 tổng số tiền Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - thương mại D chưa trả cho VP là: 4.564.480.642 đồng (trong đó: nợ gốc 839.965.229 đồng; nợ lãi: 3.724.515.413 đồng. Nên xác định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ theo thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết.

[2.3]. Hiện nay, tài sản đảm bảo cho khoản vay của công ty còn có Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 95, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 824353 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/08/2007 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Anh Đ theo Hợp đồng thế chấp số 0271/09/HĐTCTS ngày 17/7/2009 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 24/3/2010. Đối với QSDĐ đã thế chấp này theo kết quả thẩm định, đo đạc không ai có ý kiến, yêu cầu gì. Trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì VP có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản khác của Công ty D trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ là chưa có cơ sở nên không xem xét.

[2.5]. Đối với ý kiến của Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là khoản lãi phạt chậm trả lãi theo hợp đồng; xin rút phần yêu cầu nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 400.000.000đ tại Hợp đồng tín dụng số N011531 ngày 22/7/2011 và xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 086940 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/12/2009 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Quang L và bà Phạm Thị T theo Hợp đồng thế chấp số 0161/10/HĐTCTS ngày 22/4/2010 là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 BLTTDS nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);
- Áp dụng các Điều 342, 348, 349, 350, 351, 355, 471, 472, 473, 474, 478, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự (2005);
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VP) .

1.1. Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu - thương mại D phải trả cho VP số tiền tính đến ngày 30/12/2019 là: 4.564.480.642 đồng (trong đó: nợ gốc 839.965.229 đồng; nợ lãi quá hạn: 3.724.515.413 đồng).

1.2. Từ ngày 30/12/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng Công ty TNHH Xuất nhập khẩu – Thương mại D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng số N010709 ngày 27/9/2010 (khế ước nhận nợ số 01/N010709 ngày 27/9/2010) – LD1027000220; hợp đồng tín dụng số N011531 ngày 22/7/2011 (khế ước nhận nợ số N011531 ngày 22/7/2011) – LD1120300193 mà các bên đã ký kết.

2. Trường hợp Công ty TNHH Xuất nhập khẩu – Thương mại D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì VP có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 95, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 824353 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/08/2007 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Anh Đ theo Hợp đồng thế chấp số 0271/09/HĐTCTS ngày 17/7/2009 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 24/3/2010 để thu hồi vốn cho VP.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền gốc 400.000.000đ và tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 086940 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/12/2009 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Quang L và bà Phạm Thị T theo Hợp đồng thế chấp số 0161/10/HĐTCTS ngày 22/4/2010 và Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khoản lãi phạt chậm trả lãi theo hợp đồng.

4. Án phí:

4.1. Bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu – Thương mại D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 112.564.000 đồng.

4.2. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VP) không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2010/03754 ngày 20/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn